



20-04-2016

A. Văn

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI	
VĂN BẢN ĐẾN	
Ngày:	19-04-2016
Số:	6963

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu  
Dệt May**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

SAO Y BẢN CHÍNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



*Phan Việt Hào*



**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0103020072  
0102405830

ngày 17 tháng 10 năm 2007  
ngày 3 tháng 9 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102405830 ngày 3 tháng 9 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Việt Hào	Chủ tịch
Ông Bùi Trung Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Quế	Thành viên (đến ngày 14/11/2015)
Bà Nguyễn Thị Kim Lý	Thành viên (đến ngày 30/6/2015)
Ông Nguyễn Trường Sa	Thành viên (đến ngày 30/6/2015)

**Ban Giám đốc**

Ông Phan Việt Hào	Tổng Giám đốc (từ ngày 3/7/2015)
Ông Nguyễn Thành Quế	Tổng Giám đốc (đến ngày 2/7/2015)
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/1/2015)
Bà Nguyễn Thị Kim Lý	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/6/2015)

**Trụ sở đăng ký**

Số 20, Đường Lĩnh Nam  
Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Chi nhánh tại Hải Phòng**

Số 315 Đường Đà Nẵng  
Quận Ngô Quyền  
Hải Phòng, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Phan Việt Hào  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016



**KPMG Limited**  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,  
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600  
Fax: +84 4 3946 1601  
www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-473/n



Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0861-2013-007-01  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Minh Hiếu  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 1572-2013-007-1

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>130.494.896.907</b>	<b>243.761.995.668</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>6.459.345.098</b>	<b>25.536.783.295</b>
Tiền	111		959.345.098	6.036.783.295
Các khoản tương đương tiền	112		5.500.000.000	19.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	11.000.000.000	11.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>103.749.180.840</b>	<b>203.134.462.118</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	269.266.979.140	324.654.958.735
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		486.214.741	746.585.612
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.030.590.132	2.156.785.937
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(167.034.603.173)	(124.424.823.011)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	954.845
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>6.974.425.552</b>	<b>1.268.839.962</b>
Hàng tồn kho	141		7.370.620.445	1.314.836.579
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(396.194.893)	(45.996.617)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.311.945.417</b>	<b>2.821.910.293</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.900.799	47.404.651
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.173.996.066	2.592.886.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12(a)	135.048.552	181.619.642

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã phân loại lại</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>5.102.006.891</b>	<b>5.599.247.846</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.901.806.891</b>	<b>3.165.504.827</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.901.806.891	3.165.504.827
<i>Nguyên giá</i>	222		7.409.570.845	8.001.653.927
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.507.763.954)	(4.836.149.100)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>2.200.200.000</b>	<b>2.428.000.000</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		412.560.000	412.560.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.267.257.130	2.428.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(479.617.130)	(412.560.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>5.743.019</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	5.743.019
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>135.596.903.798</b>	<b>249.361.243.514</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã phân loại lại</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>280.475.294.352</b>	<b>339.952.772.873</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>134.708.000.536</b>	<b>288.877.286.803</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	12.059.931.469	45.284.469.206
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.650.579.830	10.494.073.831
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12(b)	1.272.678.020	-
Phải trả người lao động	314		302.309.232	595.845.887
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	12.527.698.658	10.855.622.190
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	4.285.801.446	7.514.767.587
Vay ngắn hạn	320	15(a)	91.606.706.980	214.130.213.201
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.294.901	2.294.901
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>145.767.293.816</b>	<b>51.075.486.070</b>
Vay dài hạn	338	15(b)	145.767.293.816	51.075.486.070
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>(144.878.390.554)</b>	<b>(90.591.529.359)</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>(144.878.390.554)</b>	<b>(90.591.529.359)</b>
Vốn cổ phần	411	17	42.797.630.000	42.797.630.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		42.797.630.000	42.797.630.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		779.763.000	779.763.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	18	1.149.867.833	1.149.867.833
Lỗi lũy kế	421		(189.605.651.387)	(135.318.790.192)
- <i>(Lỗi lũy kế)/LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước</i>	421a		(135.318.790.192)	211.489.569
- <i>Lỗi kỳ này</i>	421b		(54.286.861.195)	(135.530.279.761)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>135.596.903.798</b>	<b>249.361.243.514</b>

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Huệ  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thúy Anh  
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Phan Việt Hào  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	86.259.109.719	385.704.896.145
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	2.132.947.193
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>86.259.109.719</b>	<b>383.571.948.952</b>
Giá vốn hàng bán	11	21	81.759.268.343	374.793.942.286
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>4.499.841.376</b>	<b>8.778.006.666</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.720.117.994	6.760.572.522
Chi phí tài chính	22	23	13.289.863.887	31.941.405.995
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.737.291.322	29.344.008.653
Chi phí bán hàng	25	24	1.421.005.865	3.927.092.024
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	47.565.934.905	116.246.475.475
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(55.056.845.287)</b>	<b>(136.576.394.306)</b>
Thu nhập khác	31	26	774.084.392	1.205.112.006
Chi phí khác	32		4.100.300	5.506.561
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>769.984.092</b>	<b>1.199.605.445</b>
<b>Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(54.286.861.195)</b>	<b>(135.376.788.861)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	153.490.900
<b>Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>(54.286.861.195)</b>	<b>(135.530.279.761)</b>
<b>Lỗ trên cổ phiếu</b>				
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(12.685)	(31.668)

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Huệ  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thúy Anh  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Phan Việt Hào  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp trực tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		138.957.305.514	427.787.925.915
Tiền chi trả cho nhà cung cấp	02		(118.088.695.495)	(342.715.349.819)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.163.352.629)	(3.232.933.085)
Tiền chi trả lãi vay	04		(6.016.878.004)	(19.356.759.634)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(1.215.951.166)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.855.475.723	15.197.047.392
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.842.357.393)	(37.830.061.674)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10.701.497.716</b>	<b>38.633.917.929</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		-	(791.575.745)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		120.909.091	1.273.272.727
Gửi tiền vào tài khoản tiền gửi có kỳ hạn	23		(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
Tiền thu hồi từ tài khoản tiền gửi có kỳ hạn	24		11.000.000.000	-
Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		160.742.870	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.070.340.483	153.354.339
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.351.992.444</b>	<b>(10.364.948.679)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		36.465.977.608	300.689.003.425
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(68.596.905.965)	(311.186.655.808)
Tiền chi trả cổ tức	36		-	(45.379.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(32.130.928.357)</b>	<b>(10.543.031.683)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(19.077.438.197)</b>	<b>17.725.937.567</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>25.536.783.295</b>	<b>7.810.845.728</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>6.459.345.098</b>	<b>25.536.783.295</b>

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Huệ  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thúy Anh  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Phan Việt Hào  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## **Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

##### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu phục vụ ngành may.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không xác định được một cách rõ ràng và do đó được mặc định là 12 tháng.

##### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 29 nhân viên (1/1/2015: 39 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

## **Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ thuần sau thuế trong năm của Công ty là 54.287 triệu VND (2014: 135.530 triệu VND). Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 4.213 triệu VND (1/1/2015: 45.115 triệu VND) và tổng nợ phải trả đã vượt quá tổng tài sản là 144.878 triệu VND (1/1/2015: 90.592 triệu VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 15). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng Công ty có thể huy động các khoản vay để tài trợ cho hoạt động của Công ty và các cổ đông tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Công ty sẽ không thể huy động được các khoản vay và các cổ đông sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

#### **(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính số 4(a) – các giao dịch bằng ngoại tệ.

#### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

##### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**(ii) Đầu tư vào công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 7 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm

**(g) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

**(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.



## Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

### (j) Vốn cổ phần

#### *Cổ phiếu phổ thông*

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

### (k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### (l) Doanh thu và thu nhập khác

#### (i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

## Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (ii) **Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### (iii) **Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

#### (iv) **Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### (v) **Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

#### (m) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### (n) **Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

#### (o) **Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng gây tác động suy giảm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu phục vụ ngành may tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	106.592.171	767.306.920
Tiền gửi ngân hàng	852.752.927	5.269.476.375
Các khoản tương đương tiền	5.500.000.000	19.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>6.459.345.098</b>	<b>25.536.783.295</b>

**6. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại một ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3% đến 5,6% một năm (2014: 7%/năm).

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	31/12/2015				1/1/2015				
		Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<i>Công ty liên kết</i>										
Công ty Cổ phần Coffee Indochine	Hà Nội	41.256	20,00%	20,00%	412.560.000	41.256	20,00%	20,00%	412.560.000	412.560.000
<i>Đơn vị khác</i>										
Công ty Cổ phần Đáp Cầu - Yên Phong	Bắc Ninh	200.000	9,26%	9,26%	2.000.000.000	200.000	13,30%	13,30%	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần X20 - Bộ Quốc phòng	Hà Nội	20.020	0,12%	0,12%	200.200.000	20.020	0,12%	0,12%	200.200.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng Vật tư	Hà Nội	22.780	5,80%	5,80%	67.057.130	22.780	5,80%	5,80%	227.800.000	-
					2.267.257.130				2.428.000.000	-
					2.679.817.130				2.840.560.000	412.560.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Anh	37.543.029.312	39.802.978.139
Công ty Cổ Phần Tập đoàn An Phát	40.770.019.505	41.421.730.114
Công ty CP Đầu tư Thương mại và XNK Hà Đông	29.931.566.760	29.931.566.760
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và SX Nhật Sơn	27.736.498.595	28.606.498.595
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Nam Định	-	38.080.230.171
Các khách hàng khác	133.285.864.968	146.811.954.956
	<hr/>	<hr/>
	269.266.979.140	324.654.958.735
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú	356.531.111	356.531.111
Công ty CP Vinatex - Hồng Lĩnh	110.355.208	110.355.208
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Nam Định	-	38.080.230.171
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	-	116.918.808
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	-	53.865.471
Công ty TNHH-MTV TM thời trang Dệt may VN	-	8.104.298
	<hr/>	<hr/>
	466.886.319	38.726.005.067
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại đối với các công ty liên quan được áp dụng các điều khoản thanh toán tương tự như các khoản phải thu thương mại cho các bên thứ ba.

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

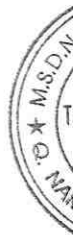
	31/12/2015			1/1/2015				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
CTY TNHH Dệt may								
Hoàng Anh	Từ 2-3 năm	37.543.029.312	23.914.493.474	13.628.535.838	Từ 1-2 năm	39.802.978.139	19.901.489.069	19.901.489.070
Công ty Cổ Phần								
Tập đoàn An Phát	Từ 1-2 năm	40.770.019.505	20.285.009.753	20.485.009.752	Dưới 1 năm	41.421.730.114	12.321.005.552	29.100.724.562
Công ty CP ĐTTM								
và XNK Hà Đông	Từ 1-2 năm	29.931.566.760	14.965.783.380	14.965.783.380	Dưới 1 năm	29.931.566.760	8.979.470.028	20.952.096.732
Công ty TNHH DVM								
và SX Nhật Sơn	Từ 1-2 năm	27.736.498.595	13.868.249.298	13.868.249.297	Dưới 1 năm	28.606.498.595	8.581.949.579	20.024.549.016
Công ty TNHH Tân								
Việt	Từ 1-2 năm	19.559.547.880	9.779.773.940	9.779.773.940	Dưới 1 năm	19.559.547.880	5.867.864.364	13.691.683.516
Công ty CP đầu tư PT								
Thành Thuận	Từ 1-2 năm	18.040.995.582	9.020.497.791	9.020.497.791	Dưới 1 năm	18.040.995.582	5.412.298.675	12.628.696.907
Công ty TNHH TM								
và Đầu tư Tinh Mã	Từ 1-2 năm	15.668.572.715	7.834.286.358	7.834.286.357	Dưới 1 năm	15.668.572.715	4.700.571.815	10.968.000.900
Công ty Cổ phần								
Minh Sơn	Trên 3 năm	12.604.104.470	12.604.104.470	-	Từ 2-3 năm	12.604.104.470	8.822.873.129	3.781.231.341
Các khách hàng khác	Trên 6 tháng	67.041.565.060	54.762.404.709	12.279.160.351	Trên 6 tháng	73.864.177.316	49.837.300.800	24.026.876.516
		268.895.899.879	167.034.603.173	101.861.296.706		279.500.171.571	124.424.823.011	155.075.348.560

Trong đó:

Dự phòng phải thu  
 khó đòi – ngắn hạn

167.034.603.173

124.424.823.011



**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.891.502.117	-	-	-
Nguyên vật liệu	-	-	326.138	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	17.104.497	-
Thành phẩm	-	-	13.123.986	-
Hàng hóa	479.118.328	(396.194.893)	1.284.281.958	(45.996.617)
	<b>7.370.620.445</b>	<b>(396.194.893)</b>	<b>1.314.836.579</b>	<b>(45.996.617)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 479 triệu VND hàng hóa (1/1/2015: 47 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	5.336.566.275	508.950.433	409.686.592	1.746.450.627	8.001.653.927
Thanh lý	-	(362.837.000)	(89.198.636)	(140.047.446)	(592.083.082)
Số dư cuối năm	5.336.566.275	146.113.433	320.487.956	1.606.403.181	7.409.570.845
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	3.028.384.173	415.704.658	409.686.592	982.373.677	4.836.149.100
Khấu hao trong năm	135.047.785	30.712.593	-	94.921.413	260.681.791
Thanh lý	-	(362.837.000)	(89.198.636)	(137.031.301)	(589.066.937)
Số dư cuối năm	3.163.431.958	83.580.251	320.487.956	940.263.789	4.507.763.954
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	2.308.182.102	93.245.775	-	764.076.950	3.165.504.827
Số dư cuối năm	2.173.134.317	62.533.182	-	666.139.392	2.901.806.891

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 1.503 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 1.862 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	5.368.992.085	9.266.372.806
Cargill Cotton Limited	3.509.629.114	-
Plexus Cotton Limited	1.351.221.104	14.389.975.011
Các nhà cung cấp khác	1.830.089.166	21.628.121.389
	12.059.931.469	45.284.469.206

Tại ngày báo cáo, Công ty không có khoản phải trả quá hạn nào.

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	5.368.992.085	9.266.372.806
Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan	-	218.865.343
	5.368.992.085	9.485.238.149

Các khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan được áp dụng các điều khoản thanh toán tương tự như các khoản phải trả thương mại cho các bên thứ ba.



**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	31/12/2015 VND
<b>Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	135.048.552	-	-	135.048.552
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	17.424.450	-	(17.424.450)	-
Thuế xuất nhập khẩu	15.836.450	-	(15.836.450)	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.310.190	-	(13.310.190)	-
	181.619.642	-	(46.571.090)	135.048.552

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.971.555.933	(534.083.393)	(2.437.472.540)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	13.096.333	(13.096.333)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	10.735.700	-	-	10.735.700
Tiền thuế đất	-	2.067.829.600	(805.887.280)	-	1.261.942.320
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
	-	5.068.217.566	(1.358.067.006)	(2.437.472.540)	1.272.678.020

**13. Chi phí phải trả**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí lãi vay	11.734.088.604	10.312.905.168
Chi phí khác	793.610.054	542.717.022
	12.527.698.658	10.855.622.190

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả ngắn hạn khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	19.233.906	57.326.204
Bảo hiểm xã hội	49.562.988	19.845.812
Cổ tức, phân phối lợi nhuận phải trả	3.644.674.220	3.644.674.220
Lãi trả chậm tạm tính	127.071.434	3.088.954.190
Các khoản phải trả, phải nộp khác	445.258.898	703.967.161
	4.285.801.446	7.514.767.587

**(b) Phải trả khác cho các bên liên quan**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan	3.929.004	3.929.004
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	6.949.106	6.949.106
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	3.510.000.000	3.510.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và CN Việt Tiến	-	90.263.561
	3.520.878.110	3.611.141.671

Khoản phải trả công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chuyển từ ngắn hạn sang dài hạn VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
(a) Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn	198.630.213.201	198.630.213.201	40.765.207.490	(53.096.905.965)	(112.691.807.746)	73.606.706.980	73.606.706.980
Vay dài hạn đến hạn trả	15.500.000.000	15.500.000.000	18.000.000.000	(15.500.000.000)	-	18.000.000.000	18.000.000.000
	214.130.213.201	214.130.213.201	58.765.207.490	(68.596.905.965)	(112.691.807.746)	91.606.706.980	91.606.706.980

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	10%	-	73.858.468.380
Khoản vay ngân hàng 2	VND	10,7% - 11%	-	665.000.000
Khoản vay ngân hàng 3	VND	8,5% - 10,5%	-	23.959.675.730
Khoản vay ngân hàng 4	VND	9% - 11,5%	31.555.663.847	36.178.323.733
Khoản vay ngân hàng 5	VND	6,8% - 7,1%	5.582.297.775	-
Khoản vay khác 1	VND	6%	4.000.000.000	4.000.000.000
Khoản vay khác 2	VND	9% - 11%	32.468.745.358	59.968.745.358
			<b>73.606.706.980</b>	<b>198.630.213.201</b>

Các khoản vay ngắn hạn được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Khoản vay bên liên quan	VND	5,5%	2017	75.987.039.404	-
Khoản vay ngân hàng 1	VND	7,9%	2019	69.966.153.788	44.475.385.446
Khoản vay ngân hàng 2	VND	8,0%	2018	17.814.100.624	22.100.100.624
				<b>163.767.293.816</b>	<b>66.575.486.070</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				<b>(18.000.000.000)</b>	<b>(15.500.000.000)</b>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				<b>145.767.293.816</b>	<b>51.075.486.070</b>

Các khoản vay dài hạn được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	42.797.630.000	779.763.000	259.883.090	889.984.743	211.489.569	44.938.750.402
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(135.530.279.761)	(135.530.279.761)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b> <b>- Đã báo cáo trước đây</b>	<b>42.797.630.000</b>	<b>779.763.000</b>	<b>259.883.090</b>	<b>889.984.743</b>	<b>(135.318.790.192)</b>	<b>(90.591.529.359)</b>
<i>Phân loại lại (Thuyết minh 32)</i>	-	-	<i>(259.883.090)</i>	<i>259.883.090</i>	-	-
<b>Số dư tại ngày 1/1/2015 -</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>	<b>42.797.630.000</b>	<b>779.763.000</b>	<b>-</b>	<b>1.149.867.833</b>	<b>(135.318.790.192)</b>	<b>(90.591.529.359)</b>
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(54.286.861.195)	(54.286.861.195)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>42.797.630.000</b>	<b>779.763.000</b>	<b>-</b>	<b>1.149.867.833</b>	<b>(189.605.651.387)</b>	<b>(144.878.390.554)</b>



## 17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015 và 1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	4.279.763	42.797.630.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	4.279.763	42.797.630.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	4.279.763	42.797.630.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, đơn vị nắm 68,34% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

## 18. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.671	80.502.137	19.758	419.778.468
EUR	78	2.046.180	87	2.270.787
		<u>82.548.317</u>		<u>422.049.255</u>

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	82.534.298.822	375.091.431.896
▪ Cung cấp dịch vụ	3.724.810.897	10.613.464.249
	<hr/>	<hr/>
	86.259.109.719	385.704.896.145
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(2.132.947.193)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	86.259.109.719	383.571.948.952

**21. Giá vốn hàng bán**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	-	118.215.679
▪ Hàng hoá đã bán	81.300.470.067	368.103.837.166
▪ Dịch vụ đã cung ứng	108.600.000	6.571.889.441
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	350.198.276	-
	<hr/>	<hr/>
	81.759.268.343	374.793.942.286

**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Lãi tiền gửi	1.190.845.738	507.243.228
Cổ tức được chia	828.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	125.643.433	529.084.543
Lãi bán hàng trả chậm	575.628.823	5.724.244.751
	<hr/>	<hr/>
	2.720.117.994	6.760.572.522

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	11.737.291.322	29.344.008.653
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	568.114.589	230.666.669
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	54.228.605	-
Dự phòng đầu tư dài hạn	67.057.130	-
Chi phí tài chính khác	863.172.241	2.366.730.673
	<hr/>	<hr/>
	13.289.863.887	31.941.405.995
	<hr/>	<hr/>

**24. Chi phí bán hàng**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	733.396.735	2.139.174.801
Vật liệu, bao bì	-	11.919.500
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	43.233.202	157.032.034
Chi phí khấu hao tài sản cố định	113.293.517	141.074.974
Chi phí bảo lãnh, phí, lệ phí	293.815.186	443.713.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bán hàng khác	237.267.225	1.034.177.445
	<hr/>	<hr/>
	1.421.005.865	3.927.092.024
	<hr/>	<hr/>

**25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.865.872.977	2.028.219.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.388.274	143.824.525
Dự phòng phải thu khó đòi	42.609.780.162	110.097.178.942
Chi phí khác	2.942.893.492	3.977.252.870
	<hr/>	<hr/>
	47.565.934.905	116.246.475.475
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Thu nhập khác**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>Đã phân loại lại VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	117.892.946	772.322.162
Các khoản khác	656.191.446	432.789.844
	774.084.392	1.205.112.006

**27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	81.390.642.212	374.793.942.286
Chi phí nhân công	2.599.269.712	4.634.764.291
Chi phí khấu hao	260.681.791	284.899.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	291.874.927	882.820.159
Dự phòng phải thu khó đòi	42.609.780.162	110.097.178.942
Chi phí khác	3.263.834.178	5.489.780.493

**28. Thuế thu nhập****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lỗ kế toán trước thuế	(54.286.861.195)	(135.376.788.861)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(11.943.109.463)	(29.782.893.549)
Chi phí không được khấu trừ thuế	770.000	110.643.581
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	153.490.900
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	10.856.672.239	29.672.249.968
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	1.085.667.224	-
	-	153.490.900

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	189.157.224.687	37.831.444.937	134.873.863.492	26.974.772.698

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2019	Chưa quyết toán	134.873.863.492
2020	Chưa quyết toán	54.283.361.195
		189.157.224.687

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(b) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

**29. Lỗi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lỗi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lỗi thuộc về cổ đông phổ thông là 54.286.861.195 VND (2014: 135.530.279.761 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 4.279.763 cổ phiếu (2014: 4.279.763 cổ phiếu).

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	41.436.363	3.241.714.078
<b>Chi nhánh tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Phú Hưng</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	35.715.643.541	44.907.381.734
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.527.340.615	33.618.174.460
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.453.760.500	11.658.713.590
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	8.829.832.581
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	25.323.896.025
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.373.645.851	8.699.858.797
<b>Tổng Công ty May 10</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	3.665.196.089
<b>Công ty TNHH MTV Dệt 8/3</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	13.800.000	-
<b>Tổng Công ty Dệt May Hà Nội</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.582.115.582	1.155.867.226
<b>Công ty CP Dệt May Hoàng Thị Loan</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	5.634.838.109
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	4.923.768.510
<b>Công ty CP Tài chính Dệt May</b>		
Vay	-	107.509.168.609
Trả vay	-	107.404.033.021
Chi phí lãi vay	-	4.823.577.695
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	221.455.686	465.462.279
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thưởng	106.798.750	213.379.640

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Nhập lãi vay sang nợ gốc	4.299.229.882	-

**32. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán**

	<b>1/1/2015</b> <b>(phân loại lại)</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>(theo báo cáo trước đây)</b> <b>VND</b>
Phải thu ngắn hạn khác	2.156.785.937	1.456.188.239
Tài sản thiếu chờ xử lý	954.845	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	701.552.543
Quỹ dự phòng tài chính	-	259.883.090
Quỹ đầu tư phát triển	1.149.867.833	889.984.743

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2014</b> <b>(phân loại lại)</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>(theo báo cáo trước đây)</b> <b>VND</b>
Thu nhập khác	1.205.112.006	1.706.062.571
Chi phí khác	5.506.561	506.457.126

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Người lập:


Nguyễn Thị Huệ  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Hoàng Thúy Anh  
Trưởng phòng Tài chính Kế toánPhan Việt Hào  
Tổng Giám đốc